

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ  
lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết  
của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 201/TTr-SNN-VP ngày 05/11/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2024.

1. Thay thế thủ tục hành chính có số thứ tự 11, 12 Tiểu mục II Lĩnh vực lâm nghiệp tại Mục A ban hành kèm theo Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính sửa đổi được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Thay thế thủ tục hành chính có số thứ tự 06 Tiểu mục I; thủ tục hành chính có số thứ tự 03 Tiểu mục II ban hành kèm theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 02 Tiểu mục II Lĩnh vực lâm nghiệp tại Mục B ban hành kèm theo Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính sửa đổi được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT; các PCTUBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	3.000159. 000.00.00.H10	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp không có thông tin vi phạm: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Sở Nông nghiệp và PTNT, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Tân Bình, Thành phố	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP
2	3.000160. 000.00.00.H10	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Địa chỉ: Sở Nông nghiệp và PTNT, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Tân Bình, Thành phố	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP

3	1.012692. 000.00.00.H10	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND cấp tỉnh kết quả thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp không phải xin ý kiến thống nhất của các bộ, ngành: 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>+ Trường hợp phải xin ý kiến thống nhất của các bộ, ngành: 23 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul> </li> <li>- Bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của</li> </ul>	Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
---	----------------------------	--	---	----------------------------	-------	---

			<p>UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật.”.</p>		
4	3.000152. 000.00.00.H10	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<p>*Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</p> <p>- Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND cấp tỉnh kết quả thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh:</p> <p>+ Trường hợp không phải xin ý kiến thống nhất của các bộ, ngành: 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

			<p>+ Trường hợp phải xin ý kiến thống nhất của các bộ, ngành: 23 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT.</p> <p>- Bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật.”.</p>			
--	--	--	---	--	--	--

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức DVC
1	3.000175.000.00.00.H10	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Toàn trình

**Ghi chú:** Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.